$a/\ (x-2)(-x^2+4x-3)>0$ $\qquad$ $b/\ |2x+3|<x+2$

$c/\ \sqrt{2x+1}\le x-1$ $\qquad$ $d/\ \dfrac{x}{x^2-2x+1}+\dfrac{1}{3-x}\ge 0$

Bài 2: ***(2,0 điểm)*** Tìm tham số m để bất phương trình $(2m-1)x^2+(2m-1)x-2m-2<0$ nghiệm đúng $\forall x\in\mathbb{R}$.

---------- Hết ----------

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT KHỐI 10

Bài	Đáp án	Thang điểm
1	$a/\ (x-2)(-x^2+4x-3)>0$	**2.0**
	Ta có : $x-2=0\Leftrightarrow x=2$	**0.5**
	$-x^2+4x-3=0\Leftrightarrow \left[\begin{array}{l}x=1\\x=3\end{array}\right.$	**0.5**
	Bảng xét dấu $\begin{array}{c\|ccccccccc} x & -\infty & & 1 & & 2 & & 3 & & +\infty \\ \hline VT & & + & 0 & - & 0 & + & 0 & - & \end{array}$	**0.5**
	Vậy tập nghiệm là : $T=(-\infty;1)\cup(2;3)$	**0.5**
	$b/\ \|2x+3\|<x+2$	**2.0**
	$\Leftrightarrow\begin{cases}2x+3>-x-2\\2x+3<x+2\end{cases}$	**0.5**
	$\Leftrightarrow\begin{cases}3x+5>0\\x+1<0\end{cases}$	**0.5**
	$\Leftrightarrow\begin{cases}x>-\dfrac{5}{3}\\x<-1\end{cases}$	**0.5**
	$\Leftrightarrow -\dfrac{5}{3}<x<-1$	**0.25**
	Vậy tập nghiệm: $T=\left(-\dfrac{5}{3};-1\right)$	**0.25**
	$c/\ \sqrt{2x+1}\le x-1$	**2.0**
	$\Leftrightarrow\begin{cases}2x+1\ge 0\\x-1\ge 0\\2x+1\le (x-1)^2\end{cases}$	**0.5**
	$\Leftrightarrow\begin{cases}x\ge -\dfrac{1}{2}\\x\ge 1\\x^2-4x\ge 0\end{cases}$	**0.5**

hoc360.net

	$\Leftrightarrow \begin{cases} x \ge -\frac{1}{2} \\ x \ge 1 \\ \left[\begin{array}{l} x \le 0 \\ x \ge 4 \end{array}\right. \end{cases}$	**0.5**
	$\Leftrightarrow x \ge 4$ Vậy tập nghiệm là: $T = [4; +\infty)$	**0.5**
	$d / \frac{x}{x^2 - 2x + 1} + \frac{1}{3 - x} \ge 0$ (1)	**2.0**
	$(1) \Leftrightarrow \frac{x+1}{(x^2 - 2x + 1)(3 - x)} \ge 0$	**0.25**
	Ta có: $x + 1 = 0 \Leftrightarrow x = -1$	**0.25**
	$x^2 - 2x + 1 = 0 \Leftrightarrow x = 1$	**0.25**
	$3 - x = 0 \Leftrightarrow x = 3$	**0.25**
	Bảng xét dấu: x: $-\infty$; -1 ; 1 ; 3 ; $+\infty$ VT: $-$; 0 ; $+$; $\|\|$; $+$; $\|\|$; $-$	**0.5**
	Vậy tập nghiệm là: $T = [-1; 1) \cup (1; 3)$	**0.5**
2	Tìm tham số m để bất phương trình $(2m-1)x^2 + (2m-1)x - 2m - 2 < 0$ nghiệm đúng $\forall x \in \mathbb{R}$.	**2.0**
	TH1: $m = \frac{1}{2}$, thay vào bất phương trình trên ta có: $-3 < 0$ (đúng $\forall x \in \mathbb{R}$). $\Rightarrow m = \frac{1}{2}$ thỏa yêu cầu bài toán.	**0.5**
	TH2: $m \ne \frac{1}{2}$. Bất phương trình đã cho nghiệm đúng $\forall x \in \mathbb{R} \Leftrightarrow \begin{cases} a < 0 \\ \Delta < 0 \end{cases}$	**0.25**
	$\Leftrightarrow \begin{cases} 2m - 1 < 0 \\ 20m^2 + 4m - 7 < 0 \end{cases}$	**0.5**
	$\Leftrightarrow \begin{cases} m < \frac{1}{2} \\ -\frac{7}{10} < m < \frac{1}{2} \end{cases} \Leftrightarrow -\frac{7}{10} < m < \frac{1}{2}$	**0.5**
	Kết hợp 2 trường hợp trên ta có $-\frac{7}{10} < m \le \frac{1}{2}$ là các giá trị của m cần tìm.	**0.25**

Đề đề nghị của tổ trưởng: (nếu có)
Câu 1: (Biết)……..
Câu 2: (Hiểu)…….
Câu 3: (Vận dụng)…….

Duyệt của BGH **Duyệt của tổ trưởng**

hoc360.net

TRƯỜNG THPT NGUYỄN KHUYẾN

ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT MÔN: TOÁN. KHỐI 10

Họ và tên giáo viên ra đề: . Chữ ký:
Lớp kiểm tra: 10
Thời gian kiểm tra:
Nhận xét đề của tổ trưởng: ……
……
……
Phần 1: MA TRẬN ĐỀ:

KIỂM TRA 45 PHÚT HH LỚP 10

❖ ***Ma trận đề***

Các chủ đề cần đánh giá	Mức độ nhận thức – Hình thức câu hỏi				Tổng số câu hỏi, tổng số điểm
	Biết	Hiểu	Vận dụng		
			Thấp	Cao	
Phương trình đường thẳng	*1 câu* *2,5*	*1 câu* *2,5*			*2 câu* *5,0*
Phương trình đường tròn	*1 câu* *2,5*	*1 câu* *2,5*			*2 câu* *5,0*
Tỉ lệ %	50	50			***10,0***

❖ ***Bảng mô tả nội dung trong mỗi ô***

Bài 1: (5đ) Viết phương trình đường thẳng : đi qua hai điểm, qua một điểm có phương song song hoặc vuông góc với một đường thẳng cho trước (2 câu)
Bài 2: (5đ) Viết phương trình đường tròn: có tâm và đi qua một điểm, có đường kính cho trước, có tâm và tiếp xúc với đường thẳng. (2 câu)

Chú ý: ***GV ra đề bám sát theo ma trận đề về mức độ nhận thức – hình thức câu hỏi***

Phần 2: ĐỀ VÀ ĐÁP ÁN

Bài 1: ***(5,0 điểm)*** Trong mặt phẳng tọa độ Oxy, cho ba điểm A(1;-2), B(3;1), C(4;0) và đường thẳng $\Delta: 2x - y + 3 = 0$.

a) Viết phương trình đường thẳng d đi qua hai điểm A và B.

b) Viết phương trình đường thẳng d' đi qua điểm C và vuông góc với đường thẳng Δ.

Bài 2: ***(5,0 điểm)*** Trong mặt phẳng tọa độ Oxy, cho ba điểm A(-4;3), B(2;-1), C(2;-1) và đường thẳng $\Delta: 6x + 8y + 5 = 0$.

a) Viết phương trình đường tròn (C) có tâm A và đi qua B.

b) Viết phương trình đường tròn (C_1) có tâm C và tiếp xúc với đường thẳng Δ.

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT KHỐI 10

Bài	Đáp án	Thang điểm
1	**a) Viết phương trình đường thẳng d đi qua hai điểm A và B.**	**3.0**
	Ta có : + A(1 ;-2) thuộc d	**0.75**
	+ VTCP: $\vec{u} = \overrightarrow{AB} = (2;3)$ (do d đi qua A và B)	**0.75**
	=> VTPT : $\vec{n} = (3;-2)$	**0.5**
	Vậy ptđt d: $3(x-1) - 2(y+2) = 0$	**0.5**

hoc360.net

	$\Leftrightarrow 3x-2y-7=0$	**0.5**
	b) Viết phương trình đường thẳng d' đi qua điểm C và vuông góc với đường thẳng Δ.	**3.0**
	+ Do d' vuông góc với Δ nên phương trình d' có dạng: x + 2y + c = 0	**1.0**
	+ Do C(4 ;0) thuộc d' nên : c = - 4	**1.0**
	+ Vậy ptđt d': x + 2y – 4 = 0.	**1.0**
2	**Trong mặt phẳng tọa độ Oxy, cho ba điểm A(-4;3), B(2;-1), C(2;-1) và đường thẳng $\Delta: 6x+8y+5=0$.** **a/ Viết phương trình đường tròn (C) có tâm A và đi qua B.**	**2.5**
	Đường tròn (C) có: Tâm A(-4;3)	**1.0**
	Do (C) đi qua B nên có bán kính là: R = AB = $2\sqrt{13}$	**1.0**
	Vậy phương trình đường tròn (C) là: $(x+4)^2+(y-3)^2=52$	**0.5**
	b/ Viết phương trình đường tròn (C_1) có tâm C và tiếp xúc với đường thẳng Δ	**2.5**
	Đường tròn (C_1) có:	
	Tâm C(2;-1)	**1.0**
	Do (C_1) tiếp xúc với $\Delta: 6x+8y+5=0$ nên có bán kính là: $R=d(C,\Delta)=\dfrac{\lvert 6.2+8(-1)+5\rvert}{\sqrt{6^2+8^2}}=\dfrac{9}{10}$	**1.0**
	Vậy phương trình đường tròn (C_1) là: $(x-2)^2+(y+1)^2=\dfrac{81}{100}$	**0.5**

Đề đề nghị của tổ trưởng: (nếu có)
Câu 1: (Biết)……..
Câu 2: (Hiểu)…….
Câu 3: (Vận dụng)…….

Duyệt của BGH **Duyệt của tổ trưởng**

TRƯỜNG THPT NGUYỄN KHUYẾN

ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT MÔN: TOÁN. KHỐI 10

Họ và tên giáo viên ra đề: . Chữ ký:
Lớp kiểm tra: 10
Thời gian kiểm tra:
Nhận xét đề của tổ trưởng: ……
……
……

Phần 1: MA TRẬN ĐỀ:

KIỂM TRA 45 PHÚT ĐS LỚP 10

❖ ***Ma trận đề***

Các chủ đề cần đánh giá	Mức độ nhận thức – Hình thức câu hỏi			Tổng số câu hỏi, tổng số
	Biết	Hiểu	Vận dụng	

hoc360.net

			Thấp	Cao	điểm
Giải bất phương trình bậc nhất; bất phương trình chứa ẩn ở mẫu	*2 câu* *4,0*				*2 câu* *4,0*
Giá trị lượng giác thỏa đk cho trước		*1 câu* *3,0*			*1 câu* *3,0*
Tìm điều kiện tham số thỏa nghiệm phương trình, bất pt.			*1 câu* *3,0*		*1 câu* *3,0*
Tỉ lệ %	40	30	30		***10,0***

❖ ***Bảng mô tả nội dung trong mỗi ô***

Bài 1: (4 đ) Giải các bất phương trình sau:

1/ Bất phương trình bậc nhất

2/ Bất phương trình chứa ẩn ở mẫu

Bài 2: (3đ) Tìm giá trị lượng giác thỏa đk cho trước

Bài 3: (2đ) Tìm giá trị của m để phương trình, bất phương trình thỏa điều kiện cho trước.

Chú ý: ***GV ra đề bám sát theo ma trận đề về mức độ nhận thức – hình thức câu hỏi***

Phần 2: ĐỀ VÀ ĐÁP ÁN

Bài 1: ***(4,0 điểm)*** Giải các bất phương trình sau:

$a/\ (2+\sqrt{3})x-x\le 1+\sqrt{3}$ $\qquad$ $b/\ \dfrac{-2x^2+5x-2}{2x-7}\le 0$

Bài 2: ***(3,0 điểm)*** Cho $\cos x=-\dfrac{1}{3}$ (với $\dfrac{\pi}{2}<x<\pi$). Tính các giá trị lượng giác sinx, tanx, cotx, sin2x, cos2x.

Bài 2: ***(3,0 điểm)*** Tìm tham số m để phương trình $x^2-2mx+3m-2=0$ có hai nghệm phân biệt x_2, x_2 thỏa mãn $x_1^2+x_2^2\le 4$.

---------- Hết ----------

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT KHỐI 10

Bài	Đáp án	Thang điểm
1	a/ $(2+\sqrt{3})x-x\le 1+\sqrt{3}$	**2.0**
	$\Leftrightarrow (\sqrt{3}+1)x\le \sqrt{3}+1$	**1.0**
	$\Leftrightarrow x\le 1$ Vậy tập nghiệm là : $T=(-\infty;1]$	**1.0**
	b/ $\dfrac{-2x^2+5x-2}{2x-7}\le 0$	**2.0**
	Ta có: $-2x^2+5x-2=0\Leftrightarrow \left[\begin{array}{l} x=2 \\ x=\dfrac{1}{2}\end{array}\right.$	**0.5**
	$2x-7=0\Leftrightarrow x=\dfrac{7}{2}$	**0.5**
	Bảng xét dấu:	**0.5**

hoc360.net

	x | $-\infty$ $\quad$ $\frac{1}{2}$ $\quad$ 2 $\quad$ $\frac{7}{2}$ $\quad$ $+\infty$ VT | $+$ 0 $-$ 0 $+$ $\|\|$ $-$	
	Vậy tập nghiệm là: $T=\left[\frac{1}{2};2\right]\cup\left(\frac{7}{2};+\infty\right)$	**0.5**
2	**Cho $\cos x=-\frac{1}{3}$ (với $\frac{\pi}{2}<x<\pi$). Tính các giá trị lượng giác sinx, tanx, cotx, sin2x, cos2x.**	**3.0**
	Ta có : $\sin^2 x=1-\cos^2 x=\frac{2\sqrt{2}}{3}$	**0.5**
	$\Rightarrow \sin x=\frac{2\sqrt{2}}{3}$ (do $\frac{\pi}{2}<x<\pi$ nên sinx > 0)	**0.5**
	$\tan x=\frac{\sin x}{\cos x}=-2\sqrt{2}$	**0.5**
	$\cot x=\frac{\cos x}{\sin x}=\frac{-\sqrt{2}}{4}$	**0.5**
	$\sin 2x=2\sin x\cos x=-\frac{4\sqrt{2}}{9}$	**0.5**
	$\cos 2x=2\cos^2 x-1=-\frac{7}{9}$	**0.5**
3	Tìm tham số m để phương trình $x^2-2mx+3m-2=0$ có hai nghệm phân biệt x_2,x_2 thỏa mãn $x_1^2+x_2^2\le 4$	**3.0**
	Phương trình đã cho có 2 nghiệm phân biệt x_2,x_2 $\Leftrightarrow\begin{cases}a\neq 0\\ \Delta'>0\end{cases}$	**0.25**
	$\Leftrightarrow\begin{cases}1\neq 0\ (đúng)\\ m^2-3m+2>0\end{cases}$	**0.5**
	$\Leftrightarrow\begin{bmatrix}m<1\\ m>2\end{bmatrix}$ (1)	**0.5**
	Theo định lý Vi-ét: $\begin{cases}x_1+x_2=2m\\ x_1x_2=3m-2\end{cases}$	**0.25**
	Theo đề bài: $x_1^2+x_2^2\le 4\Leftrightarrow (x_1+x_2)^2-2x_1x_2\le 4$	**0.25**
	$\Leftrightarrow (2m)^2-2(3m-2)\le 4\Leftrightarrow 4m^2-6m\le 0$	**0.25**
	$\Leftrightarrow 0\le m\le\frac{3}{2}$ (2)	**0.5**
	Từ (1) và (2) ta có: $0\le m<1$ là các giá trị của m cần tìm.	**0.5**

Đề đề nghị của tổ trưởng: (nếu có)
Câu 1: (Biết)……..
Câu 2: (Hiểu)…….

hoc360.net

Câu 3: (Vận dụng)…….

Duyệt của BGH **Duyệt của tổ trưởng**

hoc360.net